

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Khắc Chương

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2022 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lù Thị Thanh T sinh năm 1993; trú tại: Số 66, đường C, tổ dân phố 03, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Dương Hoàng M sinh năm 1993; trú tại: Số 66, đường C, tổ dân phố 03, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lù Thị Thanh T:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà với ông M kết hôn năm 2020, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố T, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà chung sống tại thành phố T, sau đó chuyển về Đ sinh sống cùng với gia đình bà. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất được công việc, việc làm để cùng nhau thực hiện, dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh đập lẫn nhau. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

- *Về con chung*: Vợ chồng bà không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Dương Hoàng M:

Tại Bản tự khai đề ngày 19/9/2022 bị đơn ông M trình bày: Ông và bà T kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố T, tỉnh Lâm Đồng, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại số 66, đường C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do áp lực kinh tế khó khăn sau đại dịch Covid 19. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do ông M vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xử cho bà T với ông M ly hôn; con chung không có; nợ chung không có; tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà T với bị đơn ông M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T với ông M kết hôn năm 2020, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố T, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà chung sống tại thành phố T, sau đó chuyển về Đ sinh sống cùng với gia đình bà T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất được công việc, việc làm để cùng nhau thực hiện, dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh đập lẫn nhau. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông M. Ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T với ông M đã trầm trọng, kéo dài, hiện tại bà T với ông M đã không còn chung sống với nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, ông M cũng có yêu cầu ly hôn với bà T nên chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông M.

- *Về con chung*: Bà T với ông M không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T với ông M không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lù Thị Thanh T, xử cho bà Lù Thị Thanh T với ông Dương Hoàng M ly hôn.

2. Về án phí: Buộc bà Lù Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình về yêu cầu ly hôn, bà T đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007624 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lù Thị Thanh T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Dương Hoàng M vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND Phường 10, thành phố T, tỉnh Lâm Đồng (số 94 – Đăng ký ngày 05/11/2020);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phụng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thị Hằng – Trương Văn Điều

Lê Thị Phụng Diễm

